

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21-02-2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trọng Văn

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số nhà N, đường số T, tổ N, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1990; Thường trú: Số nhà N, đường số T, tổ N, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; địa chỉ hiện nay: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Anh H, chị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Phạm Thị D tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 03 tháng thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 009/2010 ngày 09 tháng 3 năm 2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột của anh H, địa chỉ tổ N, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, sau đó có nhà riêng tại Số nhà N,

đường số T, tổ N, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D vay nợ bên ngoài mà không cho anh H biết, sau đó chị D bỏ đi khỏi nhà và không liên lạc với anh H cho đến nay. Anh chị cũng đã ly thân với nhau từ đó.

Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, anh H yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quỳnh H1, sinh ngày 17/12/2010; Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/11/2012 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/7/2017. Hiện nay 02 cháu H1 và C đang sống cùng anh H, cháu A đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Quỳnh H1 và Nguyễn Thành C; giao cho chị D nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quỳnh A. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, bị đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Xuân H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tỉnh Bình Thuận và chị chuyển hộ khẩu về xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, anh H dùng bạo lực với chị D nhiều lần, có lần phải đi bệnh viện và công an xã can thiệp. Vì vậy, chị D đã cùng con nhỏ nhất là cháu Nguyễn Quỳnh A về nhà cha mẹ ruột tại xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay. Nay anh H có nguyện vọng ly hôn thì chị D đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quỳnh H1, Nguyễn Thành C, Nguyễn Quỳnh A. Hiện nay 02 cháu H1 và C đang sống cùng anh H, cháu A đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quỳnh A, giao 02 con chung Nguyễn Quỳnh H1 và Nguyễn Thành C cho anh H nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2010, anh H, chị D kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H, chị D đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng không còn yêu thương nhau, từ tháng 02 năm 2023, chị D cùng con nhỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống cho đến nay, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của anh H, chị D không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh H yêu cầu ly hôn, chị D cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quỳnh H1, sinh ngày 17/12/2010; Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/11/2012 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/7/2017; anh H, chị D đều thống nhất giao cho anh H nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Quỳnh H1 và Nguyễn Thành C; giao cho chị D nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quỳnh A; không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên cần chấp nhận. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị D hiện đang sinh sống tại Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình, tuy nhiên, chị từng sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà N, đường số T, tổ N, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình làm việc, chị D đồng ý Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận giải quyết vụ án và gửi kết quả giải quyết cho chị. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết vụ án là đúng theo quy định về thẩm quyền tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị D tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 009/2010 ngày 09 tháng 3 năm 2010, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[4] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của anh H và chị D, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Từ tháng 02 năm 2023, chị D cùng con nhỏ về nhà cha mẹ ruột tại Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình để sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn quan tâm nhau và cùng nhau chăm sóc con cái. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị D đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị D là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quỳnh H1, sinh ngày 17/12/2010; Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/11/2012 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/7/2017. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Hiện nay 02 cháu H1 và C đang sống cùng anh H, cháu A đang sống cùng chị D. Theo nguyện vọng của 02 cháu Nguyễn Quỳnh H1 và Nguyễn Thành C, khi cha mẹ ly hôn 02 cháu muốn sống cùng với anh H. Nhận thấy, yêu cầu của anh H và chị D về việc giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Quỳnh H1 và Nguyễn Thành C, giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh A là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của anh Nguyễn Xuân H đối với chị Phạm Thị D. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân H đối với chị Phạm Thị D về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H được ly hôn với chị Phạm Thị D.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh H1, sinh ngày 17/12/2010 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 06/11/2012.

Giao cho chị Phạm Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 12/7/2017.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị D đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp người nào lạm dụng việc đi lại, thăm nom con

gây ảnh hưởng xấu đến việc người kia nuôi con thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Xuân H, chị Phạm Thị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017755 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh Nguyễn Xuân H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung